

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - BỘ CÔNG AN

**BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI -
BỘ CÔNG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2012

Số: 14/2012/TTLT-BLĐTBXH-
BCA

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở
chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên,
người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh**

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định về chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh (sau đây viết tắt là Nghị định số 135/2004/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Nghị định số 61/2011/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư liên tịch quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định thi hành một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 61/2011/NĐ-CP (sau đây gọi chung là Nghị định số 135/2004/NĐ-CP) về thủ tục, chế độ đối với người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Phòng, chống ma túy và cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính (gọi chung là Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, sau đây viết tắt là Trung tâm);

b) Người nghiện ma túy, người bán dâm bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm;

c) Người chưa thành niên nghiện ma túy bị cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm;

d) Người nghiện ma túy, người bán dâm tự nguyện vào cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm;

đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Thông tư này không áp dụng đối với người nước ngoài.

3. Người đang cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm gọi là học viên.

Điều 3. Quy định về biểu mẫu

1. Ban hành kèm theo Thông tư này các Biểu mẫu để sử dụng khi áp dụng các biện pháp, chế độ cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi in các biểu mẫu quy định tại Khoản 1 Điều này phải in thống nhất trên khổ giấy A4 và không được tự ý thay đổi nội dung của biểu mẫu; có trách nhiệm quản lý việc in, cấp phát, sử dụng biểu mẫu và có sổ sách theo dõi.

Chương II

THỦ TỤC ĐƯA NGƯỜI VÀO TRUNG TÂM

Mục 1

THỦ TỤC ĐƯA NGƯỜI BỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO TRUNG TÂM

Điều 4. Người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm

1. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi đến 55 tuổi đối với nữ, đến 60 tuổi đối với nam, mà có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đã chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về việc sử dụng trái phép chất ma túy hoặc đã hết thời hiệu thi hành Quyết định nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính;

b) Đã chấp hành xong Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn về việc sử dụng trái phép chất ma túy hoặc đã hết thời hiệu thi hành Quyết định nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính;

c) Đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành thời gian cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận này nhưng đã hết thời hạn thực hiện Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng hoặc Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng;

d) Người chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không có nơi cư trú nhất định.

2. Người bán dâm từ đủ 16 tuổi đến 55 tuổi đối với nữ, 60 tuổi đối với nam và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đã chấp hành xong Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh về hành vi bán dâm hoặc đã hết thời hiệu thi hành các Quyết định nêu trên nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính;

b) Người không có nơi cư trú nhất định có từ hai lần trở lên trong thời hạn mười hai tháng bị xử phạt hành chính về hành vi bán dâm, chưa bị giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

3. Người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là người thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đang sử dụng trái phép chất ma túy hoặc qua điều tra, xác minh, cơ quan chức năng xác định người đó có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; người tự khai báo về việc sử dụng trái phép chất ma túy;

b) Qua xét nghiệm tìm chất ma túy trong cơ thể người đó có kết quả dương tính mà không chứng minh được tính hợp pháp của việc có chất ma túy.

4. Các trường hợp sau đây được coi là không có nơi cư trú nhất định:

a) Không xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú thường xuyên đi lang thang, không có nơi ở nhất định;

b) Có nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú nhưng không thường xuyên sinh sống tại đó và thường xuyên đi lang thang, không ở nhất định tại nơi đăng ký thường trú, tạm trú.

Điều 5. Lập hồ sơ đề nghị đưa vào Trung tâm

1. Việc lập hồ sơ đề nghị đưa vào Trung tâm được hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm gồm:

a) Bản sơ yếu lý lịch (có dán ảnh 4 x 6 cm và có căn cứ pháp lý xác định độ tuổi) của người được đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm;

b) Bệnh án (nếu có);

c) Biên bản hoặc tài liệu xác nhận về hành vi vi phạm pháp luật của người đó;

d) Bản sao Quyết định xử phạt hành chính do hành vi sử dụng trái phép chất ma túy hoặc hành vi bán dâm và biên lai xử phạt (nếu có);

đ) Bản sao Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do hành vi sử dụng trái phép chất ma túy hoặc hành vi bán dâm, Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, Quyết định quản lý cai nghiện tự nguyện tại gia đình, Quyết định cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng hoặc Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng; Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện (nếu có);

g) Bản sao Giấy chứng nhận đã chấp hành xong Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Giấy chứng nhận đã chấp hành xong Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành thời gian cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng, Giấy chứng nhận đã chấp hành xong Quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy (nếu có);

h) Nhận xét của Công an cấp xã, ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc hoặc tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc cùng cấp mà người đó là thành viên;

i) Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 6. Hội đồng tư vấn về việc đưa vào Trung tâm

1. Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP, thành phần Hội đồng tư vấn về việc đưa vào Trung tâm, bao gồm:

a) Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội làm Thường trực và chủ trì cuộc họp của Hội đồng tư vấn;

b) Thành viên bao gồm: Trưởng Công an, Trưởng phòng Tư pháp, Y tế và Chủ tịch Hội phụ nữ cấp huyện.

2. Chậm nhất là ba ngày trước khi họp Hội đồng tư vấn, Thường trực Hội đồng tư vấn phải sao gửi các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này tới các thành viên Hội đồng.

3. Trong trường hợp thành viên Hội đồng Tư vấn (kể cả Thường trực Hội đồng tư vấn) không tham dự cuộc họp thì cơ quan của thành viên đó có trách nhiệm cử lãnh đạo khác tham dự. Thành viên dự họp thay có quyền biểu quyết như thành viên chính thức. Hội đồng Tư vấn chỉ họp khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên tham dự và phải được lập thành biên bản (Mẫu số 01).

Điều 7. Quyết định đưa vào Trung tâm

1. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Hội đồng Tư vấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, Quyết định việc đưa vào Trung tâm.

2. Quyết định đưa vào Trung tâm (Mẫu số 02) phải được gửi cho người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm, gia đình người đó, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Công an, Hội đồng nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

Điều 8. Thi hành Quyết định đưa vào Trung tâm

1. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định, Công an huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh (sau đây viết tắt là Công an cấp huyện) có trách nhiệm đưa người phải chấp hành Quyết định vào Trung tâm; việc thi hành Quyết định phải được lập thành biên bản (Mẫu số 03). Biên bản được lập thành hai bản, một bản lưu tại Công an cấp huyện, một bản gửi kèm hồ sơ đưa người vào Trung tâm.

2. Trường hợp người có Quyết định đưa vào Trung tâm nhưng chưa đưa đi chấp hành Quyết định mà có đơn đề nghị hoãn hoặc miễn chấp hành Quyết định thì phải tiếp nhận, xem xét ngay. Nếu thấy có đủ điều kiện để được hoãn hoặc miễn theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này thì Trưởng Công an cấp huyện phải có văn bản đề xuất, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ra Quyết định hoãn hoặc miễn chấp hành Quyết định cho người đó và thông báo cho cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện biết.

Thời gian chấp hành Quyết định đưa vào Trung tâm được tính từ ngày người bị áp dụng biện pháp này được đưa đi chấp hành Quyết định (bao gồm cả thời gian đi đường và thời gian lưu giữ hành chính).